

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 83/2025/LĐ-ST

Ngày: 09-5-2025

V/v “Tranh chấp yêu cầu tuyên
bố vô hiệu hợp đồng lao động”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Kiều Loan – Cán bộ hưu trí huyện Đức Hòa
- Bà Nguyễn Thị Rạt – Cán bộ hưu trí, nguyên Phó Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Đức Hòa.

Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 08/2025/TLST-LĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp “yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST-LĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Tuyết T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang (có đơn xin vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Công ty Cổ phần S1

Địa chỉ trụ sở: Lô 36-38-40, Đ, Khu Công nghiệp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Park Sun W (có đơn xin vắng mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Trần Thị Như Ý, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, Long An (có đơn xin vắng mặt).

3.2. Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Long An

Địa chỉ: Số 08 tuyến tránh, phường D, thành phố T, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S - Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang T1 - Phó Giám đốc (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết T trình bày:

Từ tháng 7/2016 đến tháng 5/2023, bà làm việc tại Công ty TNHH C (Long An), quá trình lao động bà tham gia BHXH với số sổ 8016020862.

Bà với bà Trần Thị Như Ý là chị em họ, do gia đình gặp khó khăn về kinh tế và bà Ý M đi làm để tạo thu nhập lo cho gia đình nên bà Trần Thị Như Ý chưa đủ tuổi lao động có hỏi mượn bà giấy chứng minh nhân dân (giấy CMND) mang tên Phạm Thị Tuyết T để bà Ý đi làm tại Công ty Cổ phần S1 trong khoảng thời gian từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012. Khi bà Ý mang tên bà Phạm Thị Tuyết T làm việc tại Công ty Cổ phần S1 thì bà Ý có tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm mang tên Phạm Thị Tuyết T là 8010027666.

Việc bà T cho bà Ý mượn CMND là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S1 từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012 không phải do bản thân bà T thực hiện. Hiện nay tồn tại sổ bảo hiểm của bà Phạm Thị Tuyết T và sổ bảo hiểm số 8010027666 mang tên Phạm Thị Tuyết T nhưng do bà Trần Thị Như Ý làm việc nên bà T không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm đối với số sổ bảo hiểm của bà và hưởng chế độ theo quy định.

Theo công văn 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2021 của Bộ L Xã hội thì trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực và đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu. Thẩm quyền tuyên bố hợp đồng vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Như Ý (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Phạm Thị Tuyết T) với Công ty Cổ phần S1 từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012 vô hiệu.

- Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội số 8010027666 cấp cho bà Phạm Thị Tuyết T do Công ty Cổ phần S1 nộp từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh L thành tên bà Trần Thị Như Ý.

- Bà Phạm Thị Tuyết T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội đối với số sổ bảo hiểm xã hội của bà theo các hợp đồng lao động được xác lập và thực hiện.

- Bà Trần Thị Như Ý được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Trần Thị Như Ý với Công ty Cổ phần S1 theo sổ bảo hiểm xã hội số 8010027666 đã được điều chỉnh.

Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty Cổ phần S1 trình bày tóm tắt như sau:

Vào tháng 8/2010, Công ty Cổ phần S1 (gọi tắt là công ty) có giao kết hợp đồng lao động với bà Phạm Thị Tuyết T nhưng không hề biết việc bà Trần Thị Như Ý mượn hồ sơ tư pháp của bà T để làm việc tại công ty. Trong thời gian bà Ý làm việc tại công ty (từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012), công ty có đóng BHXH cho bà Ý dưới tên Phạm Thị Tuyết T tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Nay công ty đồng ý vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Như Ý (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Phạm Thị Tuyết T) với Công ty Cổ phần S1 từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012, điều chỉnh họ tên Phạm Thị Tuyết T tham gia bảo hiểm xã hội trên sổ BHXH số 8010027666 thành tên Trần Thị Như Ý để các bên được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Đối với việc bà Ý mượn hồ sơ tư pháp của bà T để giao kết hợp đồng lao động, công ty hoàn toàn không liên quan nên xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, phiên họp công khai chứng cứ, phiên xét xử của Tòa án các cấp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Như Ý trình bày:

Do bản thân không am hiểu về pháp luật, muốn đi làm để tạo thu nhập lo cho gia đình nên bà có mượn giấy CMND của Phạm Thị Tuyết T để đi làm tại Công ty Cổ phần S1 từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012. Khi làm việc tại Công ty Cổ phần S1 từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012 thì bà có tham gia bảo hiểm xã hội với sổ sổ bảo hiểm mang tên Phạm Thị Tuyết T là 8010027666. Trước yêu cầu của bà T, bà đồng ý vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà với Công ty Cổ phần S1 từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012 do không đúng nhân thân và yêu cầu được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà với Công ty Cổ phần S1 theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8010027666 đã được điều chỉnh. Ngoài ra, bà không còn ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L có văn bản trình bày:

Căn cứ hồ sơ và dữ liệu quản lý thu, tháng 8/2010, Công ty Cổ phần S1 có kê khai đóng BHXH cho người lao động có nhân thân Phạm Thị Tuyết T, sinh ngày 01/01/1992, chứng minh nhân dân (CMND) số 301432649. Sổ sổ BHXH được cấp là 8010027666. Thời gian đóng BHXH, BHTN trên sổ BHXH 8010027666 được thể hiện trên phụ lục 1 Bản ghi quá trình đóng BHXH, BHTN. Qua tra cứu dữ liệu chi trả chính sách BHXH đến ngày 12/3/2025, thời gian đóng BHXH từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012 trên sổ BHXH

8010027666 chưa hưởng chế độ BHXH 1 lần, trợ cấp thất nghiệp với thời gian đóng nêu trên.

Ngoài số BHXH số 8010027666 đã được cấp, người lao động với nhân thân họ tên Phạm Thị Tuyết T, sinh ngày 01/01/1992, căn cước công dân số 080192004702 (CMND cũ số 301432649) còn có 02 số BHXH số 8016020862 và 8012025915. Số BHXH 8012025915 có thời gian đóng BHXH, BHTN từ tháng 7/2010 đến tháng 01/2015, đã hưởng chế độ BHXH 1 lần và trợ cấp thất nghiệp còn bảo lưu 3 tháng lẻ, được thể hiện trên phụ lục 2 Bản ghi quá trình đóng BHXH, BHTN, số BHXH 8016020862 có thời gian đóng BHXH, BHTN từ tháng 7/2016 đến tháng 5/2023, chưa hưởng chế độ BHXH 1 lần, trợ cấp thất nghiệp với thời gian đóng nêu trên, được thể hiện trên phụ lục 3 Bản ghi quá trình đóng BHXH, BHTN.

BHXH tỉnh Long An với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của TAND huyện Đức Hòa đối với vụ án trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết T về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị Tuyết T (do bà Trần Thị Như Ý làm việc) với Công ty Cổ phần S1 từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012 do hợp đồng được ký kết không đúng với nhân thân, vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại Điều 15 Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động và điều chỉnh tên Phạm Thị Tuyết T trên sổ bảo hiểm xã hội số 8010027666 thành tên Trần Thị Như Ý cho đúng người lao động thực tế tại công ty để các bên được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty Cổ phần S1 có trụ sở tại Khu Công nghiệp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng: Bà Phạm Thị Tuyết T là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty Cổ phần S1 là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Bà Trần Thị Như Ý và BHXH tỉnh L được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không yêu cầu áp dụng về thời hiệu nên căn cứ quy định tại Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không áp dụng thời hiệu.

[1.4] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết T, bị đơn Công ty Cổ phần S1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Như Ý, đại diện BHXH tỉnh L có ý kiến được xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết T về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Như Ý với Công ty Cổ phần S1 từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012, thấy rằng: Bà Phạm Thị Tuyết T có cho bà Trần Thị Như Ý mượn chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Tuyết T để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012 tại Công ty Cổ phần S1 theo sổ BHXH số 8010027666. Trong khi đó, bà Phạm Thị Tuyết T cũng tham gia lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại các công ty khác. Việc bà Phạm Thị Tuyết T cho bà Trần Thị Như Ý mượn giấy chứng minh nhân dân để đi làm tại Công ty Cổ phần S1 là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Do đó, bà Phạm Thị Tuyết T yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Như Ý nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Phạm Thị Tuyết T với Công ty Cổ phần S1 từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012 là có căn cứ, phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi vì người lao động thực tế trong giai đoạn này tại Công ty Cổ phần S1 là bà Trần Thị Như Ý không phải là bà Phạm Thị Tuyết T. Đồng thời, để bảo đảm quyền lợi cho người lao động đã tham gia hợp đồng lao động bị vô hiệu nêu trên, cần điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội số 8010027666 cấp cho bà Phạm Thị Tuyết T do Công ty Cổ phần S1 nộp từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh L thành tên bà Trần Thị Như Ý. Bà Phạm Thị Tuyết T và bà Trần Thị Như Ý được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo các hợp đồng lao động thực tế được xác lập và thực hiện theo quy định.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự

nguyên của bà Phạm Thị Tuyết T tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm nên Công ty Cổ phần S1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 13, Điều 15, Điều 16, Điều 18, Điều 21, Điều 49 và Điều 190 Bộ luật Lao động; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết T về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động” với Công ty Cổ phần S1.

1.1. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Trần Thị Như Ý (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Phạm Thị Tuyết T) với Công ty Cổ phần S1 từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012.

1.2. Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội số 8010027666 cấp cho bà Phạm Thị Tuyết T do Công ty Cổ phần S1 nộp từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh L thành tên bà Trần Thị Như Ý.

Bà Phạm Thị Tuyết T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội chưa lãnh đối với sổ bảo hiểm xã hội của bà theo các hợp đồng lao động đã được xác lập và thực hiện theo quy định.

Bà Trần Thị Như Ý được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Trần Thị Như Ý với Công ty Cổ phần S1 theo sổ bảo hiểm xã hội số 8010027666 từ tháng 8/2010 đến tháng 02/2012 đã được điều chỉnh.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Tuyết T tự nguyện chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm nhưng khấu trừ 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004414 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Phạm Thị Tuyết T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để xin xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Phan Thị Thúy Hồng****Thành viên Hội đồng xét xử****Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa****Trương Thị Kim T2 – Nguyễn Thị Rạt Nguyễn Thị Mộng T3**